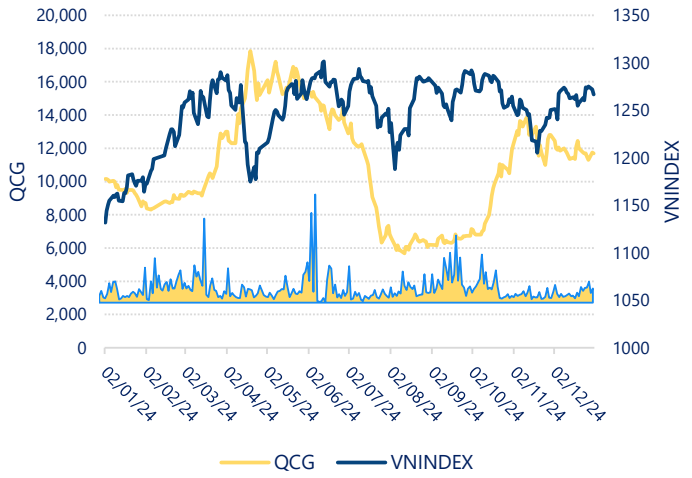
KẾT QUẢ KINH DOANH

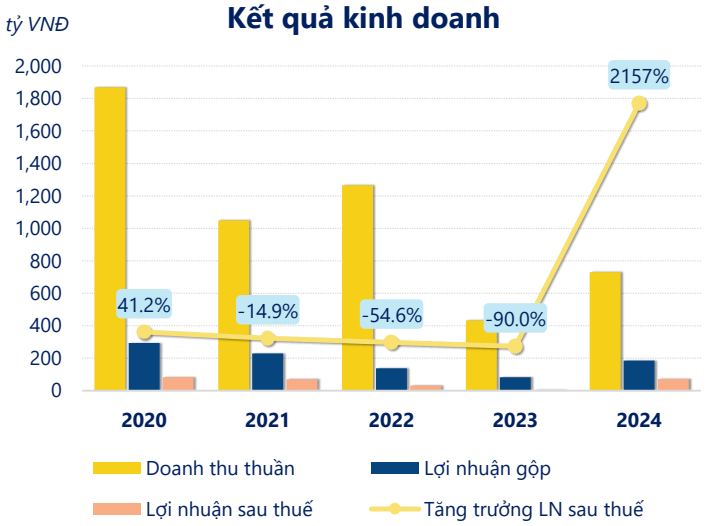
Ngày 31/12/2024	11,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.7%	71.8%	-3.3%

	2024	YoY
DT thuần	729 *tỷ VNĐ*	▲ 297 ▲ 68.7%
LN gộp	185 *tỷ VNĐ*	▲ 102 ▲ 123%
LN thuần	100 *tỷ VNĐ*	▲ 88.3 ▲ 755%
LN sau thuế	71.9 *tỷ VNĐ*	▲ 68.7 ▲ 2157%
ROE	1.6%	+/- YoY ▲ 1.5%
ROA	0.8%	+/- YoY ▲ 0.7%

Lịch sử giá

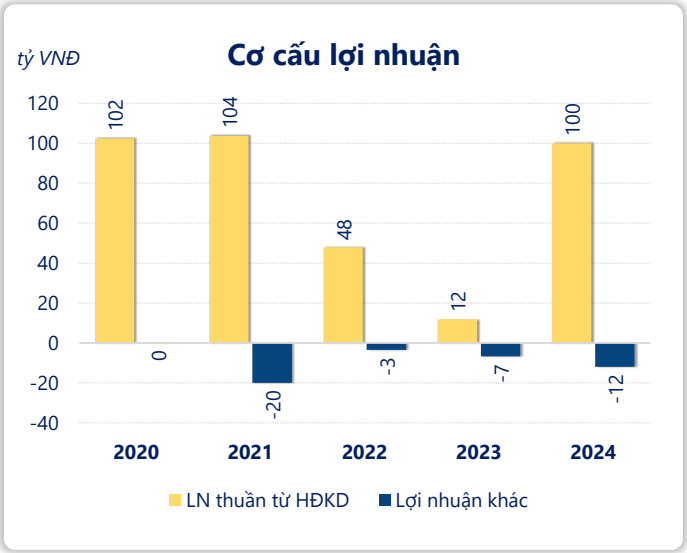


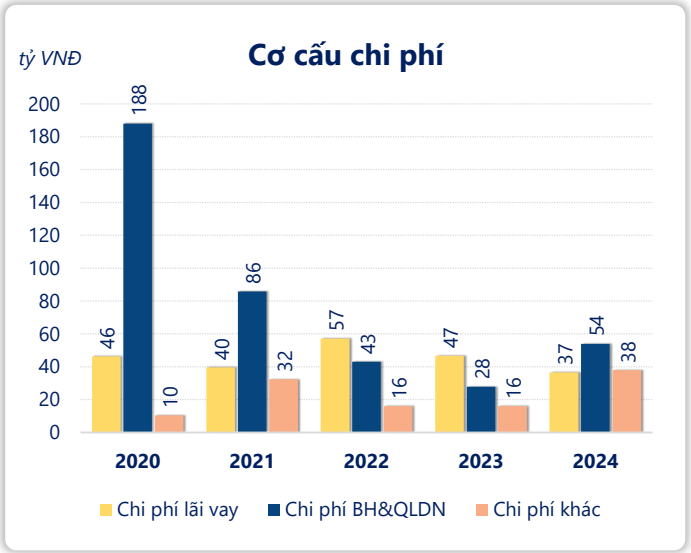
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **QCG** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 68.7%** đạt **729.3** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 2157%** đạt **71.94** tỷ đồng.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **1.64%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

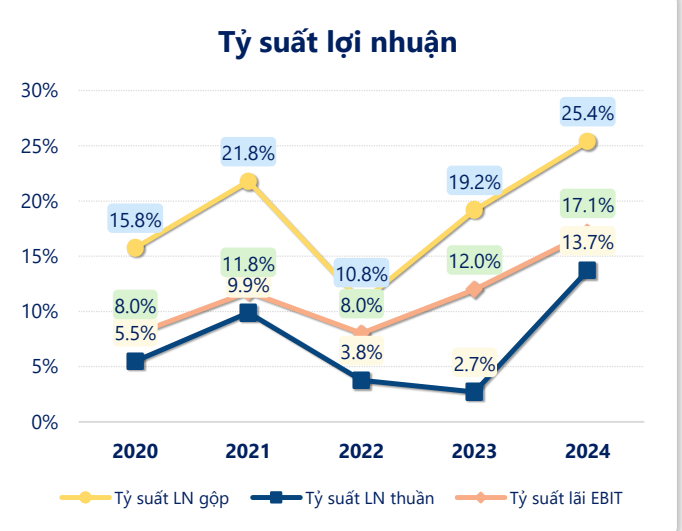


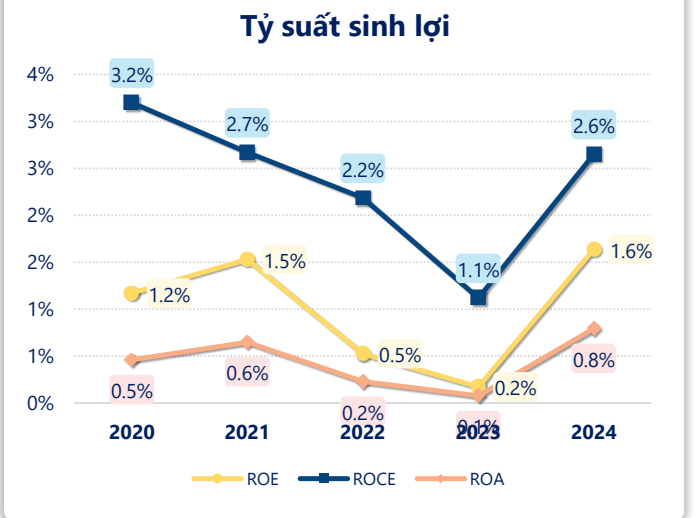


Năm **2024**, **QCG** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **100.0** tỷ đồng, **tăng lên 88.31** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (73.13 tỷ đồng) là 26.88 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

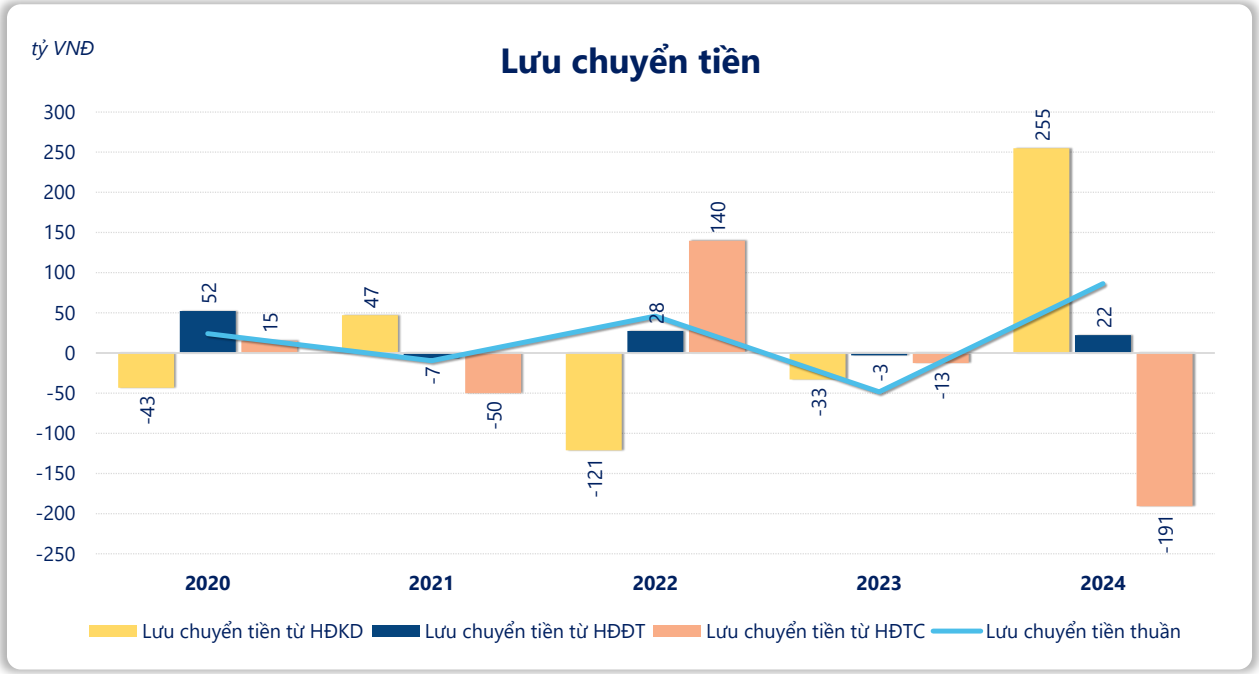
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **36.62** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **54.01** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **37.98** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của QCG năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **1.64%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**1,868**	**1,050**	**1,266**	**432**	**729**
Giá vốn hàng bán	1,573	821	1,129	349	544
Lợi nhuận gộp	**294**	**229**	**137**	**82.9**	**185**
Doanh thu HĐTC	42.1	0.85	11.5	0.63	6.61
Chi phí TC	46.4	39.8	57.3	46.9	36.7
Chi phí lãi vay	**46.3**	**39.6**	**57.2**	**46.7**	**36.6**
LN trong công ty LKLD	0.23	-0.09	-0.47	2.89	-1.15
Chi phí bán hàng	151	54.5	18.1	2.37	33.2
Chi phí QLDN	37.3	31.4	25.0	25.5	20.8
LN thuần từ HĐKD	**102**	**104**	**47.8**	**11.7**	**100**
Lợi nhuận khác	-0.08	-19.9	-3.49	-6.67	-11.9
LN trước thuế	**102**	**83.9**	**44.3**	**5.03**	**88.1**
Lợi nhuận sau thuế	**82.6**	**70.3**	**31.9**	**3.19**	**71.9**
LNST của CĐ cty mẹ	**49.9**	**65.4**	**22.7**	**7.45**	**73.1**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của QCG bằng **86.36** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-48.40 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **255.0** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **22.20** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-190.9** tỷ đồng.